

Tây Ninh, ngày 09 tháng 11 năm 2023

## THÔNG BÁO VỀ GIÁ BÁN ĐIỆN

Thực hiện Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện, Thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT, Thông tư 06/2021/TT-BCT ngày 06/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT và Quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 08/11/2023 của Bộ Công Thương Quy định về giá bán điện.

Công ty Điện lực Tây Ninh trân trọng thông báo đến Quý khách hàng sử dụng điện được biết:

**Kể từ ngày 09/11/2023**, giá bán điện (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) được áp dụng như sau:

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
<b>1</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất</b>	
<b>1.1</b>	<b>Cấp điện áp từ 110 kV trở lên</b>	
	a) Giờ bình thường	1.649
	b) Giờ thấp điểm	1.044
	c) Giờ cao điểm	2.973
<b>1.2</b>	<b>Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV</b>	
	a) Giờ bình thường	1.669
	b) Giờ thấp điểm	1.084
	c) Giờ cao điểm	3.093
<b>1.3</b>	<b>Cấp điện áp dưới 6 kV</b>	
	a) Giờ bình thường	1.809
	b) Giờ thấp điểm	1.184
	c) Giờ cao điểm	3.314
<b>2</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho khối hành chính sự nghiệp</b>	
<b>2.1</b>	<b>Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông</b>	
2.1.1	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.766
2.1.2	Cấp điện áp dưới 6 kV	1.886
<b>2.2</b>	<b>Chiếu sáng công cộng; đơn vị hành chính sự nghiệp</b>	
2.2.1	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1.947
2.2.2	Cấp điện áp dưới 6 kV	2.027

<b>TT</b>	<b>Nhóm đối tượng khách hàng</b>	<b>Giá bán điện (đồng/kWh)</b>
<b>3</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho kinh doanh</b>	
<b>3.1</b>	<b>Cấp điện áp từ 22 kV trở lên</b>	
	a) Giờ bình thường	2.629
	b) Giờ thấp điểm	1.465
	c) Giờ cao điểm	4.575
<b>3.2</b>	<b>Cấp điện áp dưới 6 kV</b>	
	a) Giờ bình thường	2.870
	b) Giờ thấp điểm	1.746
	c) Giờ cao điểm	4.937
<b>4</b>	<b>Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt</b>	
<b>4.1</b>	<b>Giá bán lẻ điện sinh hoạt</b>	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.806
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.866
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	2.167
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.729
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	3.050
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	3.151
<b>4.2</b>	<b>Giá bán lẻ điện sinh hoạt dùng công tơ thẻ trả trước</b>	2.649
<b>5</b>	<b>Giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp</b>	
<b>5.1</b>	<b>Giá bán buôn điện tại thanh cái 110 kV của trạm biến áp 110 kV/35-22-10-6 kV</b>	
<b>5.1.1</b>	<b>Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp lớn hơn 100 MVA</b>	
	a) Giờ bình thường	1.587
	b) Giờ thấp điểm	1.017
	c) Giờ cao điểm	2.910
<b>5.1.2</b>	<b>Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp từ 50 MVA đến 100 MVA</b>	
	a) Giờ bình thường	1.581
	b) Giờ thấp điểm	987
	c) Giờ cao điểm	2.897
<b>5.1.3</b>	<b>Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp dưới 50 MVA</b>	
	a) Giờ bình thường	1.573
	b) Giờ thấp điểm	982
	c) Giờ cao điểm	2.879

<b>TT</b>	<b>Nhóm đối tượng khách hàng</b>	<b>Giá bán điện (đồng/kWh)</b>
<b>5.2</b>	<b>Giá bán buôn điện phía trung áp của trạm biến áp 110/35-22-10-6 kV</b>	
<b>5.2.1</b>	<b>Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV</b>	
	a) Giờ bình thường	1.638
	b) Giờ thấp điểm	1.064
	c) Giờ cao điểm	3.034
<b>5.2.2</b>	<b>Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV</b>	
	a) Giờ bình thường	1.697
	b) Giờ thấp điểm	1.102
	c) Giờ cao điểm	3.132

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC TÂY NINH**